TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 1485/2022/HNGĐ-ST Ngày 21- 9 - 2022 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thạch Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 407/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 279, ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 29 Đường số 618, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 02/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh T1 tự nguyện chung sống với nhau năm 2009, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 09 năm, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên thường xuyên cãi vã. Năm 2020 thì anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị T đã khuyên can và cho cơ hội để anh T1 hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh T1 không thay đổi. Hiện chị và anh T1 không còn sống

chung và ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/11/2015, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị T xác định không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh T1 thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T1; về con chung: Chị T xác định con tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/11/2015 đang sống với anh T1 nên chị giao con chung cho anh T1 nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 02/02/2021, chị Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T1; chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/11/2015, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh T1 cư trú tại Số 29 Đường số 618, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt anh T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Minh T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 30/10/2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của chị T, chị và anh T1 chung sống với nhau năm 2009, đến năm 2012 đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 09 năm, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với gia đình nhà chồng nên thường xuyên cãi vã và đến cuối năm 2020, anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị T đã khuyên can và cho cơ hội để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh T1 không thay đổi. Hiện anh chị không còn sống chung và ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị T nhận thấy giữa chị và anh T1 không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét anh T1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy anh T1 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp để giải quyết vụ án. Chị T và anh T1 không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1 là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/11/2015. Tại đơn xin ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con chung nhưng tại phiên tòa chị trình bày cháu H đang sống cùng anh T1 nên chị giao con cho anh T1 nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu H hiện đang sống cùng anh T1, để ổn định tâm lý và điều kiện ăn học của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa nên sau này anh T1 có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị T xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh T về việc cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Minh T1.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 179/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 30/10/2012 cho chị T và anh T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/11/2015.

Giao cháu Nguyễn Minh H cho anh T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị T xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0085731 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thạch Vũ